TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:15/2019/HNGĐ-ST Ngày 19-11-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Thương

Ông Phạm Thanh Giản

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị P Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 270/2019/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị T, sinh năm 1982; ĐKHKTT: Khu T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú hiện tại: Xã An Phụ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T; sinh năm 1974; nơi cư trú: Khu T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-3-2019, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Lương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện

Kiến Thụy (nay là phường T, quận D, thành phố Hải Phòng). Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T chơi bời, không quan T tới gia đình vợ con; vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Từ cuối năm 2015, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, không còn quan T tới nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Như Q, sinh ngày 23-3-2004 hiện nay đang ở với anh T và ông bà nội và Phạm Mai P, sinh ngày 21-02-2010 đang ở với chị. Khi ly hôn, chị nhận nuôi cháu Phạm Mai P, giao cháu Phạm Như Q cho anh T nuôi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không cung cấp lời khai, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị T.

Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại địa P nơi anh T sinh sống và qua lời khai của mẹ đẻ anh T đều xác định: các văn bản tố tụng tòa án tống đạt cho anh T, anh T đã nhận và được thông báo lại nhưng không lên tòa án để giải quyết ly hôn với chị T được do công việc bận. Anh T và chị T xảy ra mâu thuẫn đã lâu mà không thể hòa giải, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại con chung của anh chị là cháu Phạm Như Q do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, có sự hỗ trợ chăm sóc của bà nội.

Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần nhưng anh T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện và bản tự khai. Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị T được ly hôn anh T; về con chung: Giao cho anh T tiếp tục nuôi cháu Phạm Như Q, giao cho chị T nuôi cháu Phạm Mai P, vấn đề cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận. Về tài sản chung vợ chồng, chị T và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết ly hôn với anh T cư trú tại phường T, quận D, Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, anh T đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ các điều 227, điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Lương Thị T và anh Phạm Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xác minh thập chứng cứ tại nơi chị T và anh T cư trú và qua lời khai của mẹ anh T, bố mẹ đẻ của chị T đều xác định: Chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn đã lâu, gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn giữa chị T và anh T ngày càng trầm trọng, không hòa giải được. Hiện tại, chị T và anh T đã sống ly thân, không còn quan T tới nhau. Nay chị T làm đơn ly hôn, anh T không cung cấp quan điểm về việc ly hôn, cũng không có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải và đoàn tụ. Tòa án đã thông báo hòa giải cho anh T nhưng anh T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Chị T và anh T có 02 con chung là Phạm Như Q, sinh ngày 23-3-2004 (hiện nay đang ở với anh T và bà nội) và Phạm Mai P, sinh ngày 21-02-2010 (đang ở với chị T). Qua xác minh cho thấy: Cháu Phạm Như Q đang ăn ở sinh hoạt, học hành ổn định tại gia đình anh T, cháu Phạm Mai P đang được chị T nuôi dưỡng chăm sóc. Việc sinh hoạt, học tập của cả hai cháu đều được đảm bảo. Do đó, yêu cầu của chị T về việc giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu Phạm Như Q, giao cho chị trực tiếp nuôi cháu Phạm Mai P là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp và nguyện vọng của các cháu, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Về đóng góp nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung:

[5] Chị T và anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[6] Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Chị T và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, điều 207, điều 227, điều 228 và điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị T và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp nuôi con chung Phạm Như Q, sinh ngày 23-3-2004, giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung Phạm Mai P, sinh ngày 21-02-2010 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về đóng góp nuôi con chung, chị T và anh T tự thỏa thuận.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Lương Thị T phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên

lai số 0014210 ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận D, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ .

Nơi nhận:
- Các đương sự (để thi hành);
-VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường T, quận D, HP (ĐKKH số 12/2003)
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Trung